



■ Báo cáo chiến lược tháng 12/2023

Thời điểm tiếp tục tích lũy cổ phiếu



Mở tài khoản
liền tay

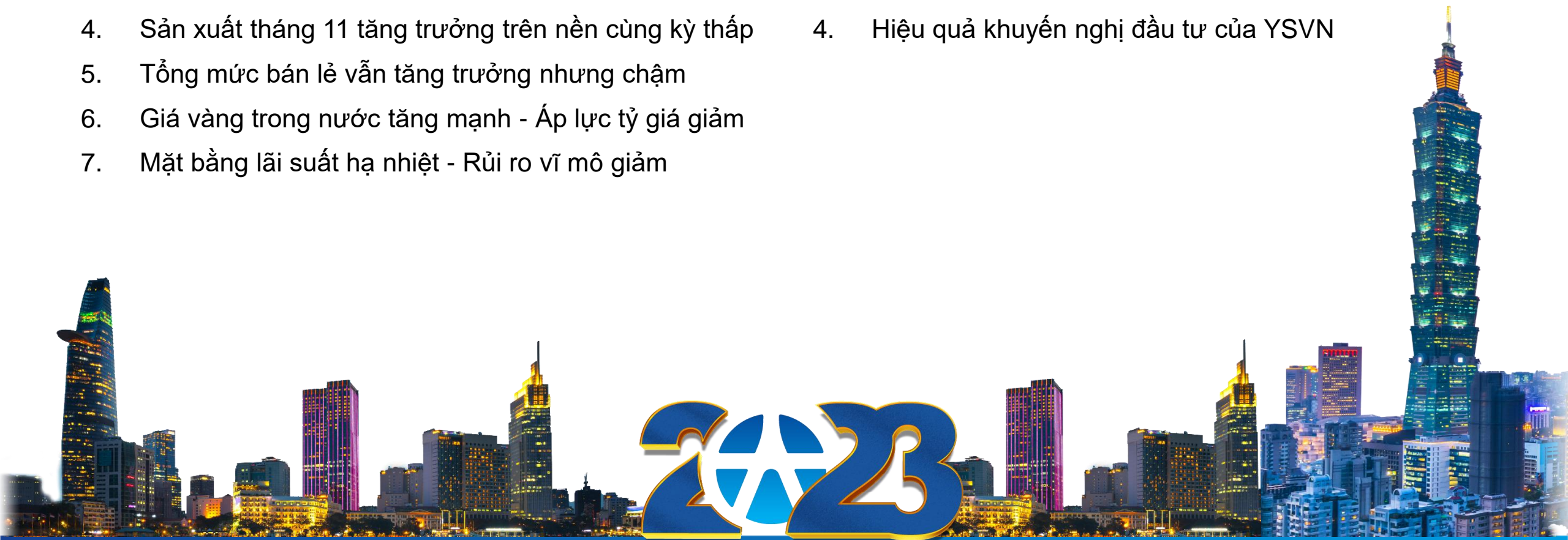


Cập nhật vĩ mô

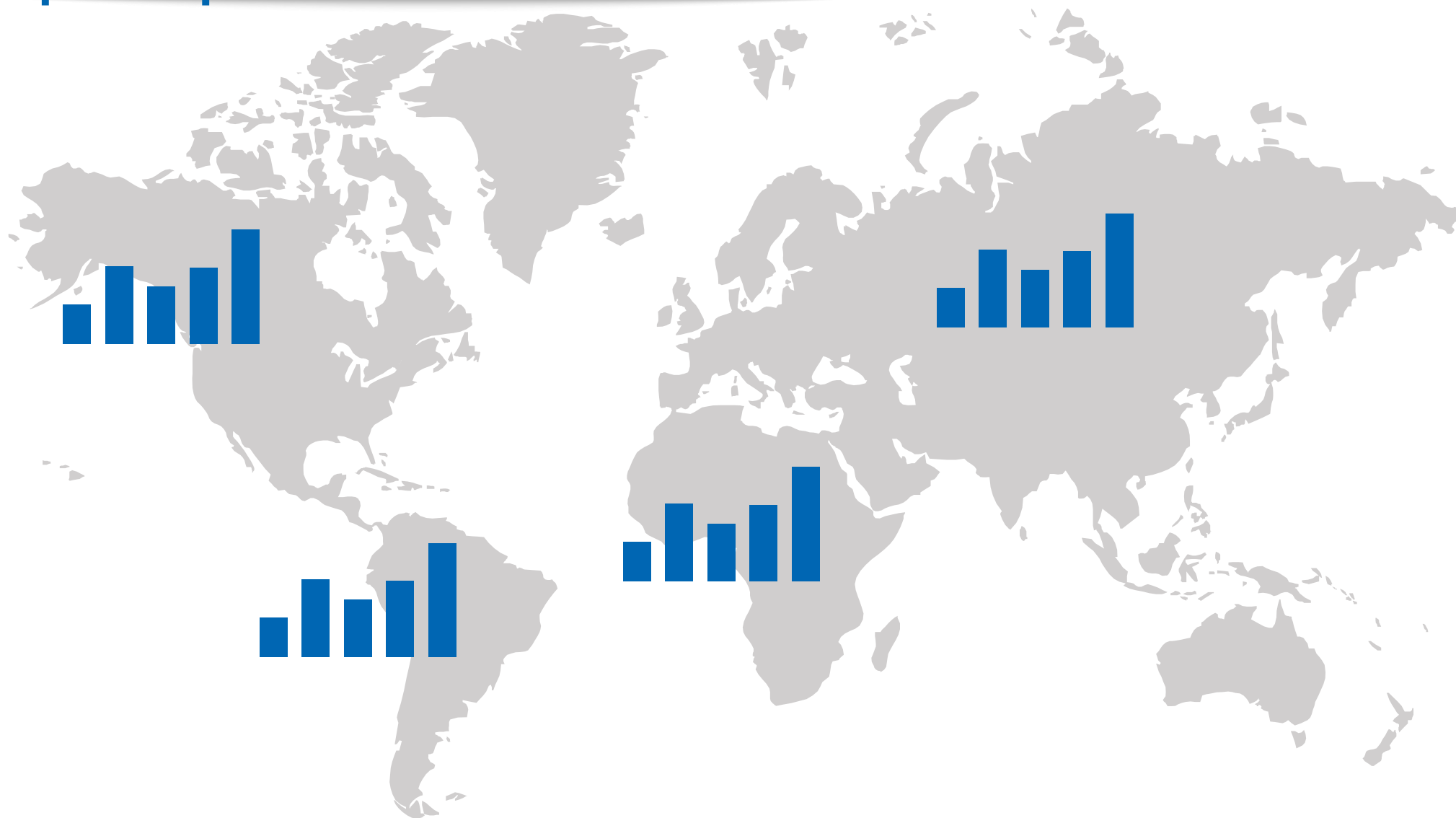
1. Vốn FDI đăng ký mới tiếp tục tăng trong tháng 11
2. Xuất nhập khẩu đi ngang nhưng vẫn tăng trưởng YoY
3. Lạm phát tháng 11 tiếp tục tăng do học phí tăng
4. Sản xuất tháng 11 tăng trưởng trên nền cùng kỳ thấp
5. Tổng mức bán lẻ vẫn tăng trưởng nhưng chậm
6. Giá vàng trong nước tăng mạnh - Áp lực tỷ giá giảm
7. Mặt bằng lãi suất hạ nhiệt - Rủi ro vĩ mô giảm

Triển vọng thị trường

1. Diễn biến thị trường tháng 11/2023
2. Giao dịch khối ngoại tháng 11/2023
3. Triển vọng TTCK tháng 12/2023
4. Hiệu quả khuyến nghị đầu tư của YSVN



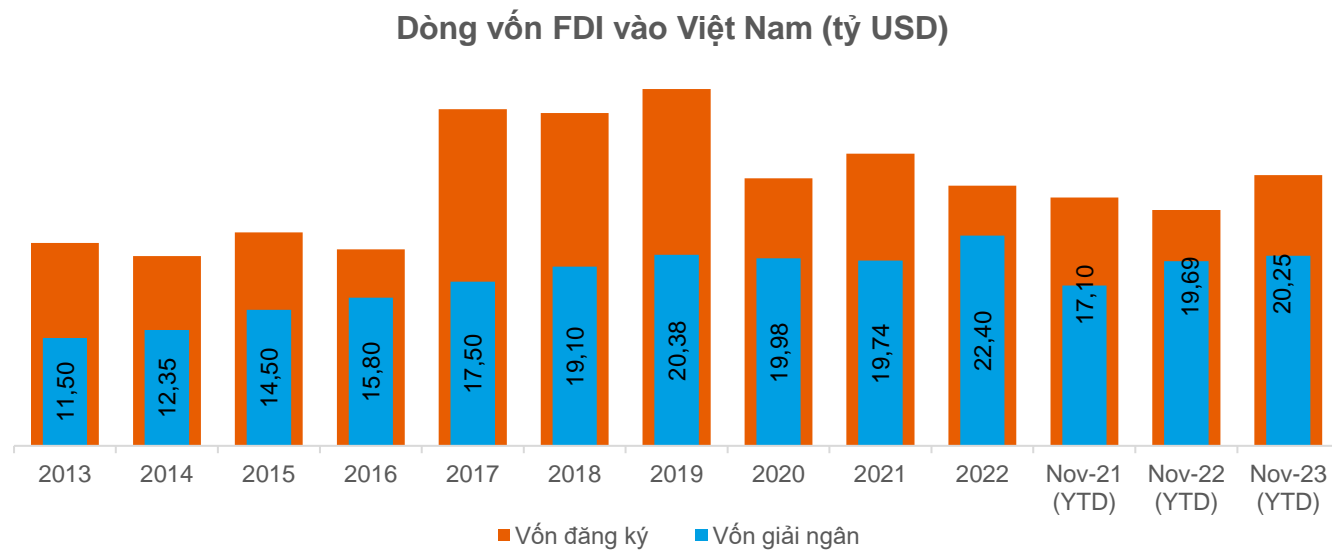
CẬP NHẬT VĨ MÔ



2023

1. Vốn FDI đăng ký mới tiếp tục tăng trong tháng 11

- **Tổng vốn FDI đăng ký tính từ đầu năm tới 20/11/2023 đạt 28.85 tỷ USD (+14.8% YoY), tăng trưởng dương lần thứ 5 liên tiếp kể từ đầu năm.** Trong đó, có 2,865 dự án được cấp phép mới (+58.1% YoY), với số vốn đăng ký mới đạt 16.41 tỷ USD (+42.4% YoY); có 1,152 dự án đăng ký điều chỉnh vốn (+15.9% YoY) với số vốn tăng thêm 6.47 tỷ USD (-32.1% YoY). **Vốn góp mua cổ phần đạt 5.97 tỷ USD (+46.4% YoY). Vốn giải ngân tính từ đầu năm tới 20/11/2023 đạt 20.25 tỷ USD, tiếp tục tăng 2.9% YoY.**
- **Trong tháng 11/2023, tổng vốn FDI đăng ký mới đạt 3.09 tỷ USD (+15.5% YoY, -44.4% MoM).** Vốn FDI giải ngân trong tháng 11 đạt 2.25 tỷ USD (+2.9% YoY, +7.8% MoM). Số vốn FDI đăng ký mới trong tháng 11 giảm so với tháng 10 là do 5 dự án FDI mới đột biến trong tháng 10 với 2.2 tỷ USD, tuy nhiên, tổng vốn FDI đăng ký trong tháng 11 vẫn tăng YoY và cao hơn các tháng đầu năm.
- Chúng tôi vẫn duy trì quan điểm dòng vốn FDI sẽ tiếp tục tăng trưởng nhờ 1) vốn đăng ký mới tiếp tục đi vào ngành sản xuất - chế biến - chế tạo cho thấy xu hướng bền vững; 2) hạ tầng giao thông cải thiện tích cực nhờ đẩy mạnh đầu tư công; 3) các tỉnh thành, địa phương đang có xu hướng thi đua thu hút các công ty lớn nước ngoài đầu tư vào khu vực của mình bằng các chính sách ưu đãi riêng, chương trình giao lưu – triển lãm với các tổ chức, nhà đầu tư quốc tế.

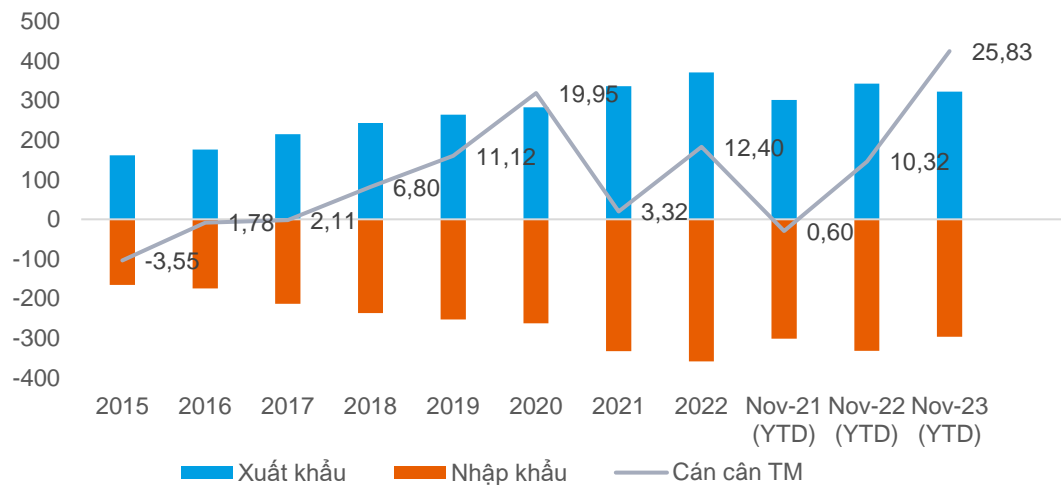


Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

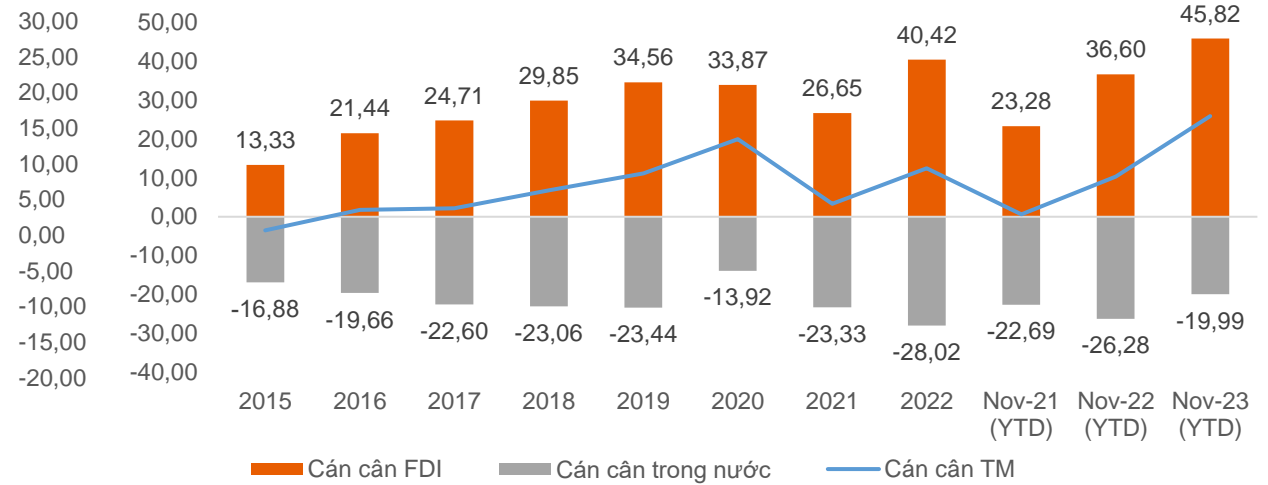
2. Xuất nhập khẩu đi ngang nhưng vẫn tăng trưởng so với cùng kỳ

- Kim ngạch XNK T11/2023 đạt 60.88 tỷ USD, giảm 1.4% MoM nhưng tăng 5.9% YoY.** Trong đó, xuất khẩu đạt 31.08 tỷ USD, giảm 3.6% MoM nhưng tăng 6.7% YoY; nhập khẩu đạt 29.8 tỷ USD, tăng 1.0% MoM, tăng 5.1% YoY. Tình hình xuất nhập khẩu tháng 11 quay lại suy giảm MoM sau khi tăng trong tháng 10, tuy nhiên là tháng thứ 3 liên tiếp tăng trưởng YoY từ mức nền thấp. Cán cân thương mại xuất siêu 1.28 tỷ USD (-53.2% MoM, +68.3% YoY). Trong đó, khối FDI xuất siêu 3.39 tỷ USD; khối DN trong nước nhập siêu 2.11 tỷ USD.
- Lũy kế 11T2023, kim ngạch XNK đạt 619.17 tỷ USD, giảm 8.3% YoY, trong đó XK 322.50 tỷ USD (-5.9% YoY), NK 296.67 tỷ USD (-10.7% YoY).** Xuất siêu 25.83 tỷ USD (+150.3% YoY), trong đó, khối FDI xuất siêu 45.82 tỷ USD, tăng 25.2% YoY, khối DN trong nước nhập siêu 19.99 tỷ USD.
- Tình hình xuất nhập khẩu tháng 11/2023 trở lại suy giảm MoM sau khi tăng trong tháng 10, mặc dù vẫn tăng trưởng YoY theo chúng tôi là do mức nền thấp cùng kỳ Q4/2022. Nhìn chung, tình hình XNK vẫn đi ngang, các tháng tăng giảm đan xen, dù số đơn hàng bắt đầu có lại nhưng vẫn yếu. Một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu tăng trưởng tốt trong T11/2023 cũng như vài tháng gần đây: xơ sợi, máy ảnh – quay phim, nông sản (rau quả, gạo, hạt điều), sắt thép, nội thất, chất dẻo.

Xuất - Nhập khẩu và cán cân thương mại



Cán cân thương mại theo khu vực

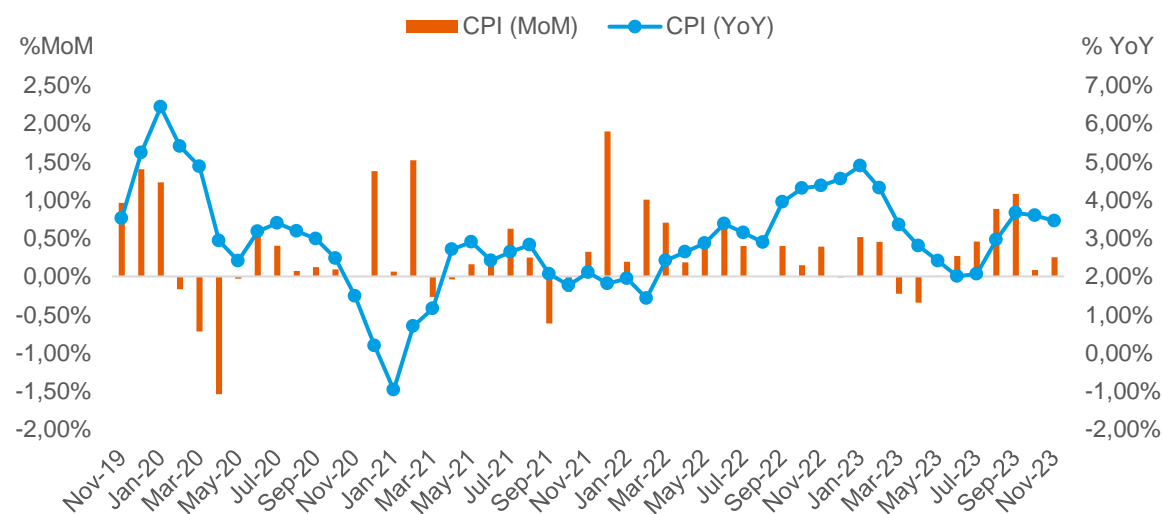


Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

3. Lạm phát tháng 11 tiếp tục tăng do học phí tăng

- CPI tháng 11/2023 tăng 0.25% MoM, tăng 3.45% YoY, nhanh hơn mức tăng của tháng 10.** Cụ thể, hầu hết giá các nhóm hàng đều tăng trong tháng 11, đà tăng giá mạnh nhất đến từ nhóm Thuốc và dịch vụ y tế (+2.9% MoM, +3.4% YoY) do do một số địa phương triển khai áp dụng giá dịch vụ y tế mới theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17/11/2023 của Bộ Y tế, trong đó dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú tăng 2.27%, khám chữa bệnh nội trú tăng 5.13%. Bên cạnh đó, nhóm Giáo dục tăng 0.4% MoM, + 8.2% YoY do một số địa phương áp dụng mức học phí mới. Giá nhóm May mặc và Đồ uống thuốc lá cùng tăng 0.2% MoM do chi phí đầu vào tăng từ tỷ giá tăng và nhân công tăng. Ngược lại, có 2 nhóm giảm giá là nhóm Bưu chính viễn thông (-0.1% MoM, -1.4% YoY) và Giao thông (-0.01% MoM, +1.6% YoY) do giá xăng dầu điều chỉnh giảm.
- Trong tháng 11/2023, CPI tăng 0.25% MoM tiếp tục là tháng tăng MoM thứ 6 liên tiếp chủ yếu do học phí và giá khám chữa bệnh tăng theo lộ trình của Chính phủ. Điểm tích cực là tác động của giá xăng dầu và tỷ giá đến lạm phát đã suy giảm. Chúng tôi vẫn khuyến nghị nhà đầu tư cần lưu ý đến giá xăng dầu và tỷ giá dù áp lực của 2 nhóm này đến CPI trong thời gian tới sẽ nhẹ hơn khá nhiều. **Chúng tôi vẫn đánh giá cao kịch bản lạm phát cả năm 2023 trong mục tiêu dưới 4.5% của Chính phủ.**

Chỉ tiêu	YoY	MoM	BQ
CPI chung	3.45%	0.25%	3.22%
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	2.98%	0.10%	3.49%
Đồ uống và thuốc lá	2.77%	0.19%	3.36%
May mặc, mũ nón và giày dép	1.95%	0.20%	2.24%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	5.91%	0.05%	6.67%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	1.50%	0.00%	2.16%
Thuốc và dịch vụ y tế	3.39%	2.90%	0.86%
Giao thông	1.63%	-0.01%	-2.80%
Bưu chính viễn thông	-1.42%	-0.11%	-0.75%
Giáo dục	8.23%	0.38%	7.37%
Văn hoá, giải trí và du lịch	1.21%	0.09%	2.68%
Hàng hóa và dịch vụ khác	6.02%	0.32%	4.52%

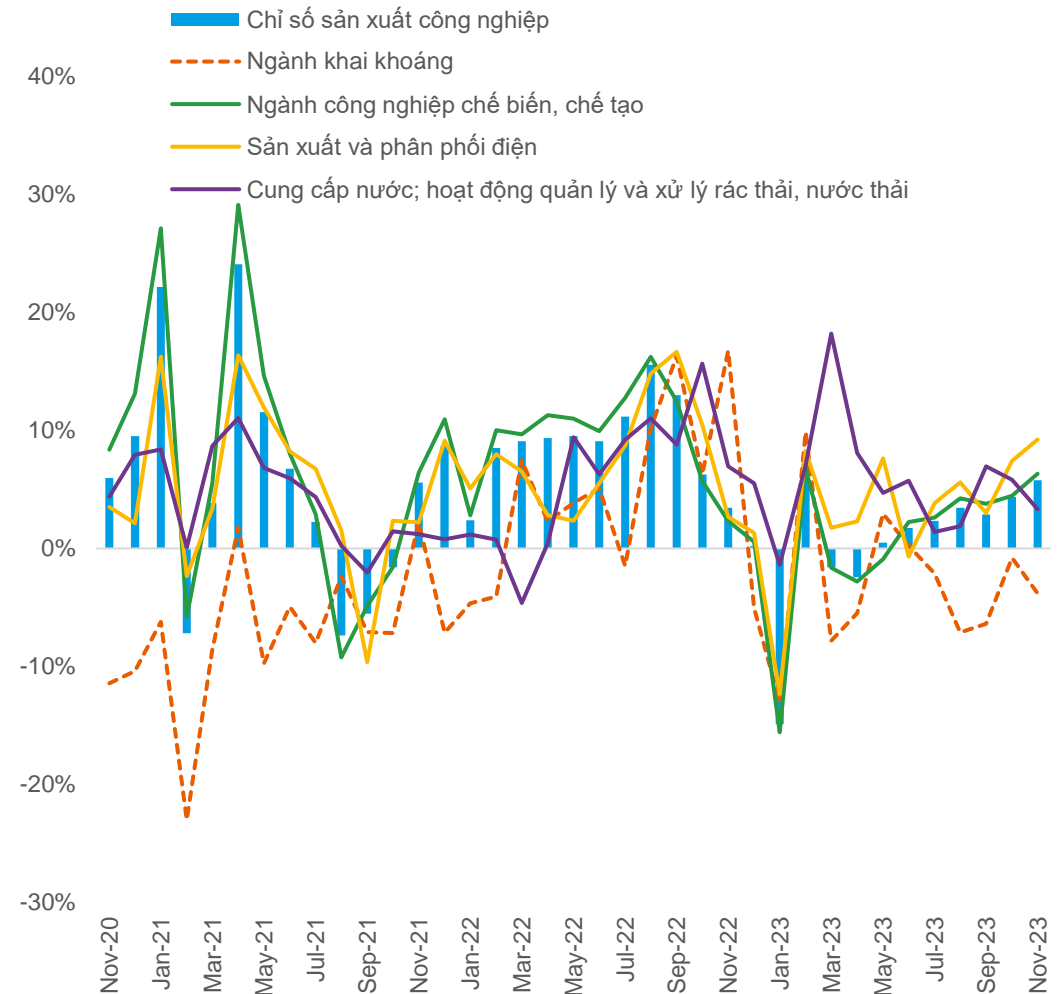


Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

4. Sản xuất tháng 11 tăng trưởng trên nền cùng kỳ thấp

- **Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tháng 11/2023 tăng 3.0% MoM, tăng 5.8% YoY.** Các ngành sản xuất đa phần đều hồi phục trong tháng 11 nhưng tốc độ khác nhau.
- **Nhóm Khai khoáng** (+2.3% MoM, -3.8% YoY) là nhóm duy nhất suy giảm YoY. Tích cực nhất là Khai thác quặng kim loại (+21% MoM, +47% YoY) và Các hoạt động hỗ trợ khai thác (+18% MoM, +34% YoY). Suy giảm nhất là Khai thác dầu thô và khí đốt (-0.3% MoM, -11% YoY).
- **Nhóm Ngành Chế biến chế tạo** (+3.9% MoM, +6.3% YoY) tiếp tục tăng trưởng tích cực trong tháng 11. Hầu hết các ngành sản xuất đều tăng trưởng tốt trong tháng 10 như các sản phẩm từ giường tủ bàn ghế (+14% MoM, +29% YoY), cao su và plastic (+3% MoM, +28% YoY), kim loại (+7% MoM, +26% YoY), thuốc lá (+1% MoM, +18% YoY), hóa chất (+5% MoM, +13% YoY), thực phẩm (+4% MoM, +11% YoY), máy móc (+22% MoM, +10% YoY), dược (+1% MoM, +10% YoY).
- **Chỉ số IIP sản xuất điện** (-2.5% MoM, +9.2% YoY) tiếp tục duy trì sự tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ nhưng giảm nhẹ so với tháng 10. Chúng tôi cho rằng là do nhu cầu điện giảm do người dân có xu hướng tiết kiệm hơn và thời tiết mát mẻ hơn.
- **Màng Nước và xử lý rác thải** (-0.6% MoM, +3.3% YoY) tiếp tục duy trì tích cực trong ngắn và dài hạn.
- **Nhìn chung, các hoạt động sản xuất tiếp tục xu hướng hồi phục trong tháng 11, tăng trưởng so với cùng kỳ từ mức nền thấp, nhưng có sự chậm hơn so với tháng 10.** Mức tăng YoY là khá tốt nhưng tốc độ hồi phục chúng tôi nhận thấy vẫn ở mức chậm. Chúng tôi cho rằng đã hồi phục được duy trì nhưng vẫn chậm theo xu hướng chung của kinh tế thế giới.

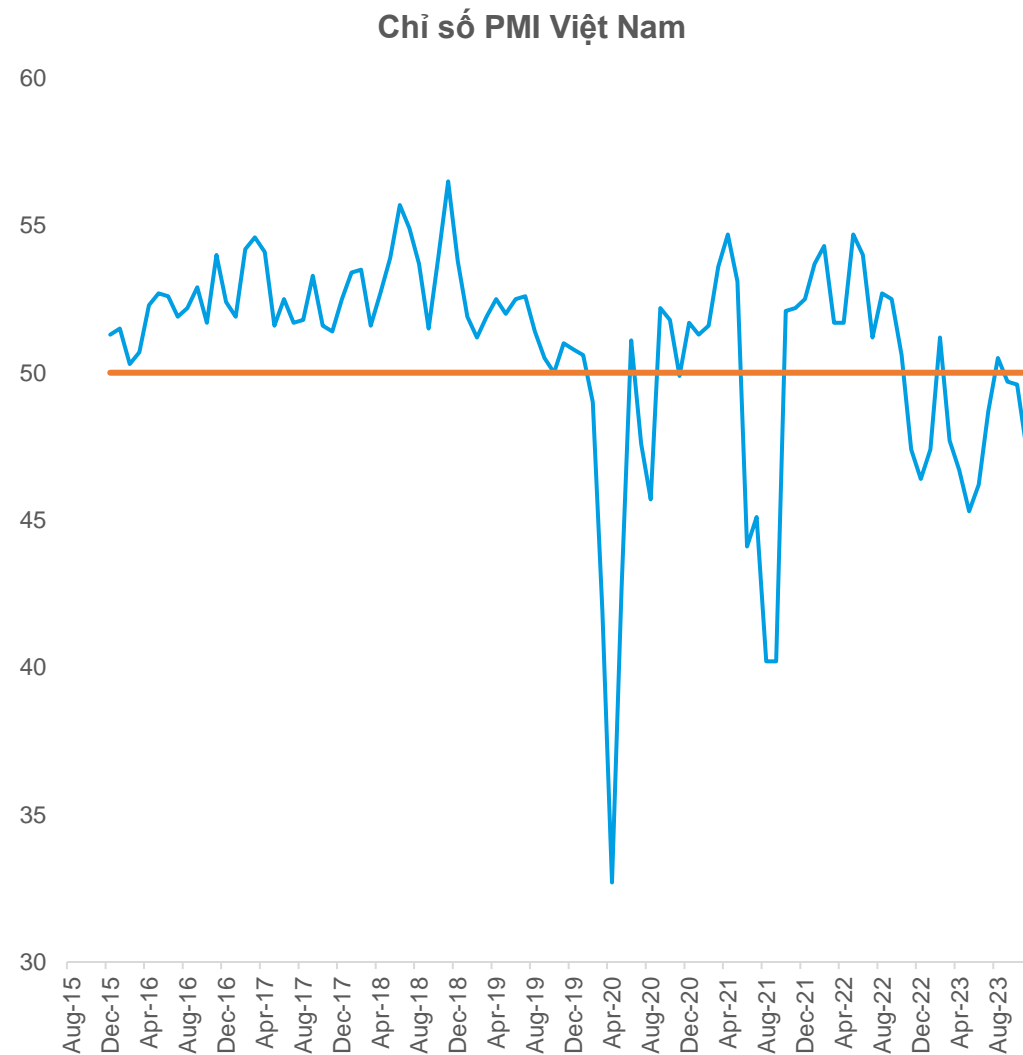
Chỉ số IIP tháng 11 (YoY)



Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

4. PMI tháng 11/2023 tiếp tục “gam màu tối” nhưng triển vọng đã sáng hơn

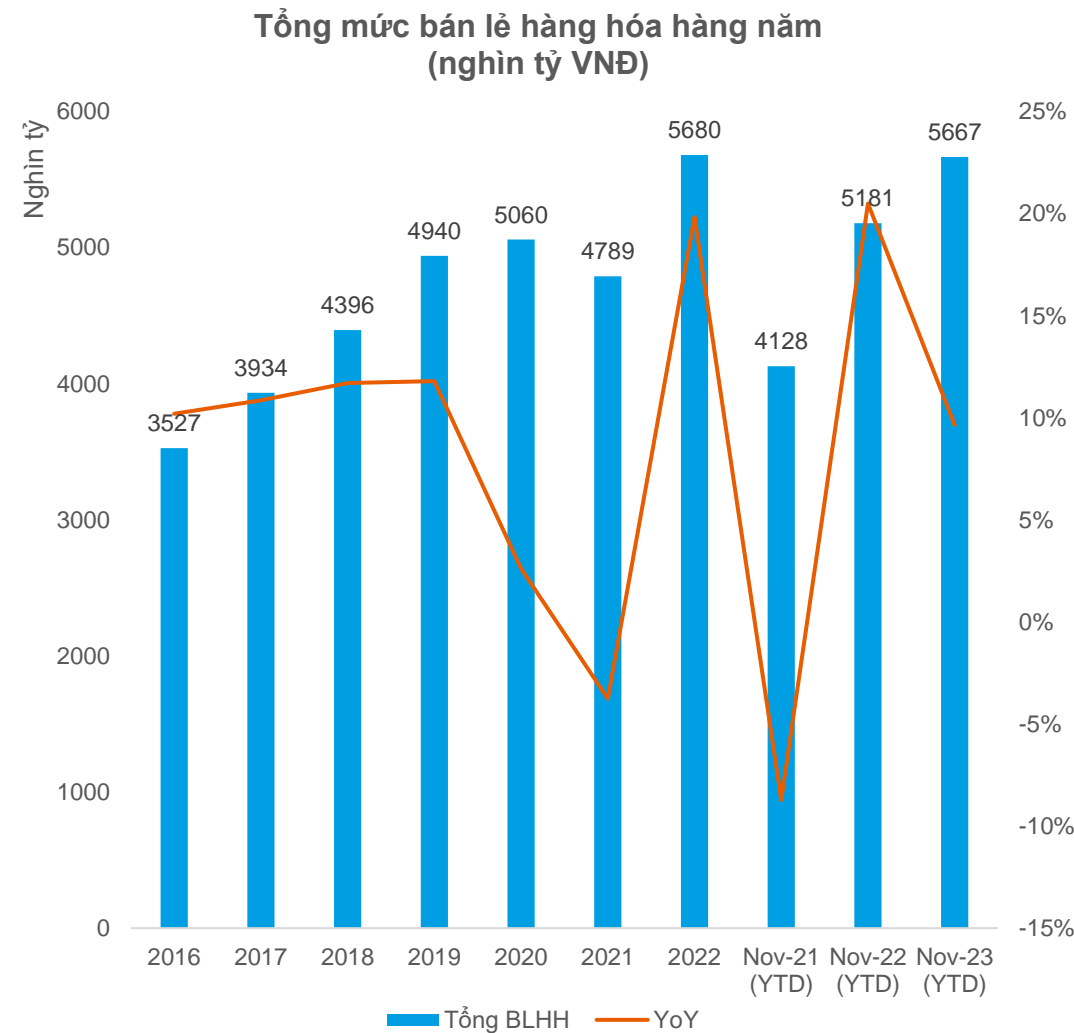
- PMI tháng 11/2023 của Việt Nam đạt 47.3 điểm, tiếp tục suy giảm so với mức 49.6 của tháng 10, theo đó, tình hình ngành sản xuất tiếp tục suy giảm mạnh trong tháng 11.
- Đơn hàng mới đã giảm trở lại trong tháng 11:** Số lượng đơn hàng mới giảm trở lại sau 3 tháng tăng liên tiếp, tốc độ giảm là mạnh và đáng kể nhất kể từ tháng 5, trong đó số lượng đơn hàng xuất khẩu cũng giảm sau 3 tháng tăng. Nguyên nhân chính được đưa ra là nhu cầu khách hàng giảm, một số công ty cho biết khách hàng không muốn trả giá cao hơn cho đơn hàng mới. Theo đó, các công ty cũng cắt giảm sản lượng tháng thứ 3 liên tiếp, mức độ giảm trong tháng 11 là nhanh và đáng kể nhất kể từ tháng 5 năm nay.
- Áp lực lạm phát tiếp tục tăng:** Tốc độ lạm phát đạt mức cao của 9 tháng. Cả chi phí đầu vào và giá cả đầu ra đều tiếp tục tăng. Nguyên nhân đưa ra là do giá nhiên liệu, dầu, và giá đường tăng tạo áp lực lên chi phí đầu vào. Theo đó, các công ty tiếp tục tăng giá bán đầu ra tháng thứ 4 liên tiếp. Hoạt động mua hàng, việc làm và hàng tồn kho đều giảm trong tháng 11.
- Tình hình sản xuất trong tháng 11 cho thấy bức tranh tiếp tục “gam màu tối”.** Số đơn hàng đã quay lại giảm sau 3 tháng tăng trước đó. Sản lượng, hoạt động mua hàng, việc làm, hàng tồn kho đều giảm. Chúng tôi nhận thấy các doanh nghiệp đều đang chuyển sang trạng thái phòng thủ và chờ đợi các tín hiệu mới từ vĩ mô, một điểm cần nói thêm là hiện tại đã cận kề Tết, các doanh nghiệp càng có tâm lý “chốt sổ” và tạm dừng các kế hoạch mới. Điểm cần lưu ý trong tháng 11 là áp lực lạm phát tiếp tục tăng do áp lực giá nhiên liệu và tỷ giá. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng 2 áp lực chi phí này đều sẽ giảm trong thời gian tới do kỳ vọng Fed dừng nâng lãi suất và % dự đoán Fed giảm lãi suất trong 2024 đã tăng lên.



Nguồn: S&P Global, Yuanta Việt Nam

5. Tổng mức bán lẻ vẫn tăng trưởng nhưng chậm

- **Tổng mức bán lẻ tháng 11/2023** ước đạt 553 nghìn tỷ, tăng 1.4% MoM, tăng 10.1% YoY. Trong đó bán lẻ hàng hóa +1.4% MoM, +9.1% YoY, dịch vụ lưu trú ăn uống +1.5% MoM, +18.3% YoY, dịch vụ lữ hành -5.5% MoM, +70.9% YoY, dịch vụ khác +1.3% MoM, +7.3% YoY. Tổng mức bán lẻ tháng 10 tiếp tục đà tăng trưởng so với cả tháng trước lần cùng kỳ nhưng tốc độ tăng là vẫn chậm. Mức tăng trưởng +10.1% YoY là tích cực nhưng là trên mức nền thấp cùng kỳ T11/2022. Sự chậm lại thể hiện ở cả 4 nhóm bán lẻ .
- Chúng tôi vẫn cho rằng lý do bán lẻ vẫn tăng trưởng chậm là do 1) người tiêu dùng vẫn còn tâm lý thắt chặt chi tiêu hơn do bị ảnh hưởng thời gian qua; 2) người dân tăng gửi tiết kiệm tiền; 3) đang gần đến Tết và người dân càng có tâm lý tiết kiệm tài chính cho Tết.
- **Lũy kế 11T2023**, tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 5,667 nghìn tỷ đồng, tăng 9.6% YoY cho thấy sức mua tiếp tục duy trì mạnh mẽ mặc dù có sự chậm lại nhất định so với trước đây.
- **Chúng tôi vẫn giữ quan điểm tích cực về tiềm năng mạnh mẽ của ngành bán lẻ trong trung và dài hạn.** Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý đến hiện tại vẫn chưa có dấu hiệu cho thấy ngành bán lẻ sẽ hồi phục trở lại nhanh như trước đây (trên 10% YoY). Chúng tôi cho rằng sẽ cần thêm thời gian để nền kinh tế hồi phục, nhu cầu lao động cũng như sức mua người tiêu dùng thật sự quay lại tốc độ tăng trưởng nhanh như trước đây. Chúng tôi cho rằng tổng mức bán lẻ vẫn chưa thể hồi phục mạnh mẽ trong bối cảnh kinh tế còn khó khăn.

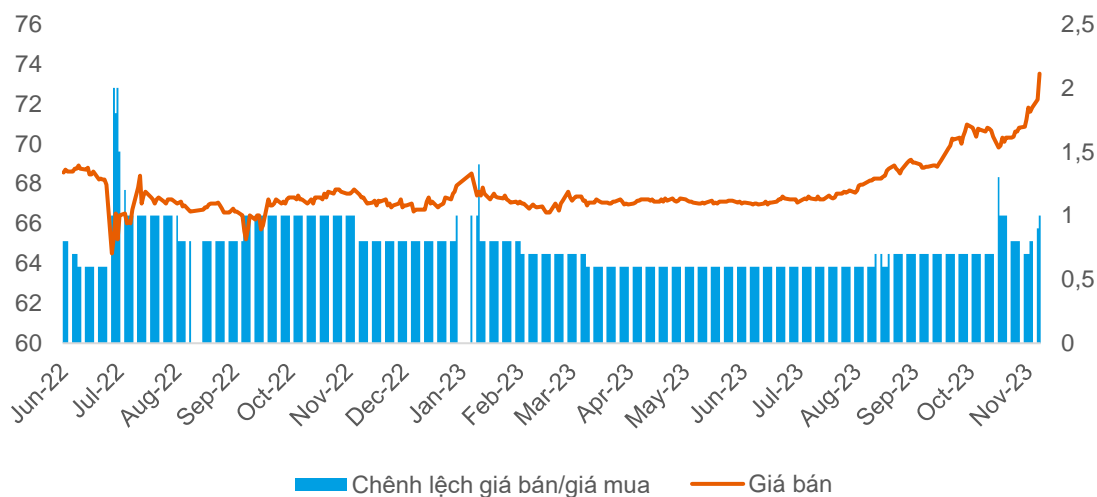


Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

6. Giá vàng trong nước tăng mạnh - Áp lực tỷ giá giảm

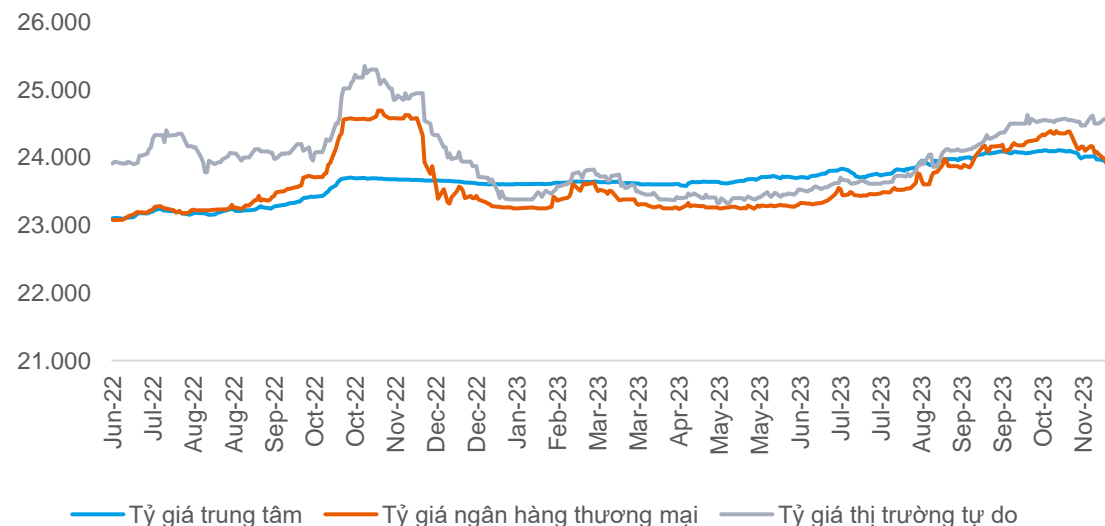
Giá vàng SJC trong nước tăng mạnh trong tháng 11/2023 ở cả 2 chiều mua vào (+3.42% MoM) và bán ra (+3.81% MoM), chênh lệch mua bán đi ngang tăng mạnh lên mức 1,000,000 đồng/lượng. Giá vàng thế giới cũng tăng 1.7% MoM, khoảng cách giá vàng SJC trong nước cao hơn giá vàng thế giới, tăng lên mức 23% (tại ngày 30/11/2023). Lý do giá vàng trong nước tăng mạnh trong tháng 11 theo chúng tôi là do 1) giá vàng thế giới tăng; 2) các lo sợ vĩ mô xung quanh câu chuyện Vạn Thịnh Phát; 3) nền kinh tế vẫn đang có nhiều khó khăn.

Giá vàng SJC



Tỷ giá đã quay đầu hạ nhiệt giảm nhẹ trong tháng 11/2023, tỷ giá trung tâm giảm 0.7% MoM, tỷ giá NHTM giảm 1.3% MoM, tỷ giá trên thị trường tự do đi ngang MoM. Giá USD trên thị trường thế giới cũng suy giảm mạnh trong tháng 11 sau khi Fed công bố không nâng lãi suất và giới tài chính đang nghiêng hơn về kịch bản Fed sẽ không nâng thêm lãi suất và thậm chí còn có khả năng giảm lãi suất trong đầu 2024. Tỷ giá USD/VND hạ nhiệt đã khiến NHNN hút tiền thông qua kênh phát hành tín phiếu. Chúng tôi kỳ vọng áp lực tỷ giá sẽ giảm nhiều trong thời gian tới do 1) Cán cân thương mại thặng dư cao; 2) FDI vào Việt Nam vẫn tăng; 3) cuối năm – cận Tết sẽ là mùa cao điểm kiều hối về Việt Nam.

Tỷ giá USD/VND



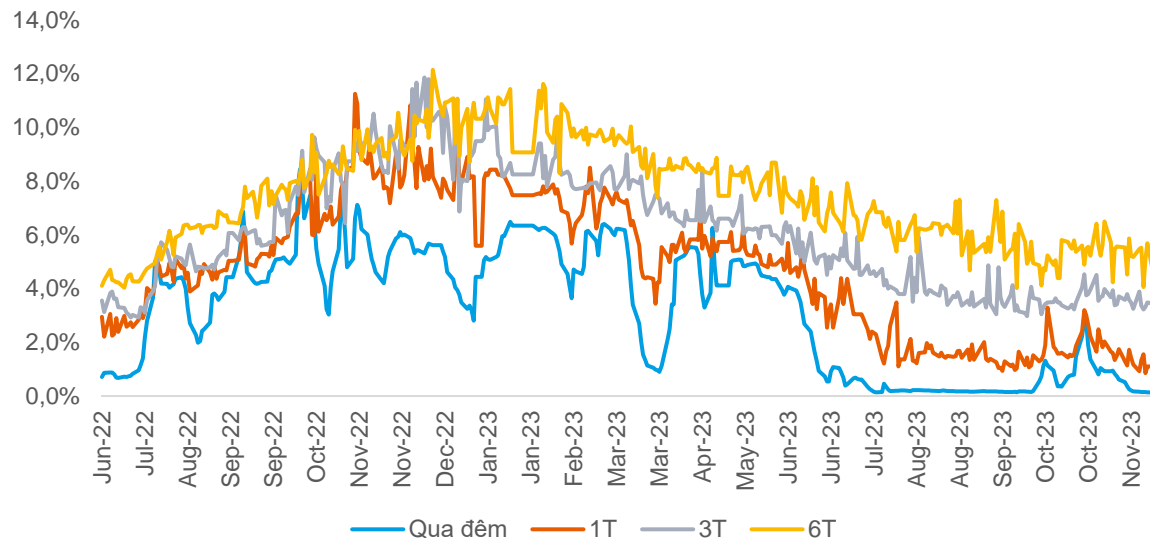
Nguồn: FiinGroup, Yuanta Việt Nam

7. Mặt bằng lãi suất hạ nhiệt - Rủi ro vĩ mô giảm

Lãi suất liên NH quay đầu giảm trong tháng 11: Lãi suất qua đêm giảm 67bps xuống 0.1%, kỳ hạn 1T giảm 138bps xuống 1.1%, 3T giảm 10bps lên 3.4%, 6T giảm 114bps MoM xuống 4.5%.

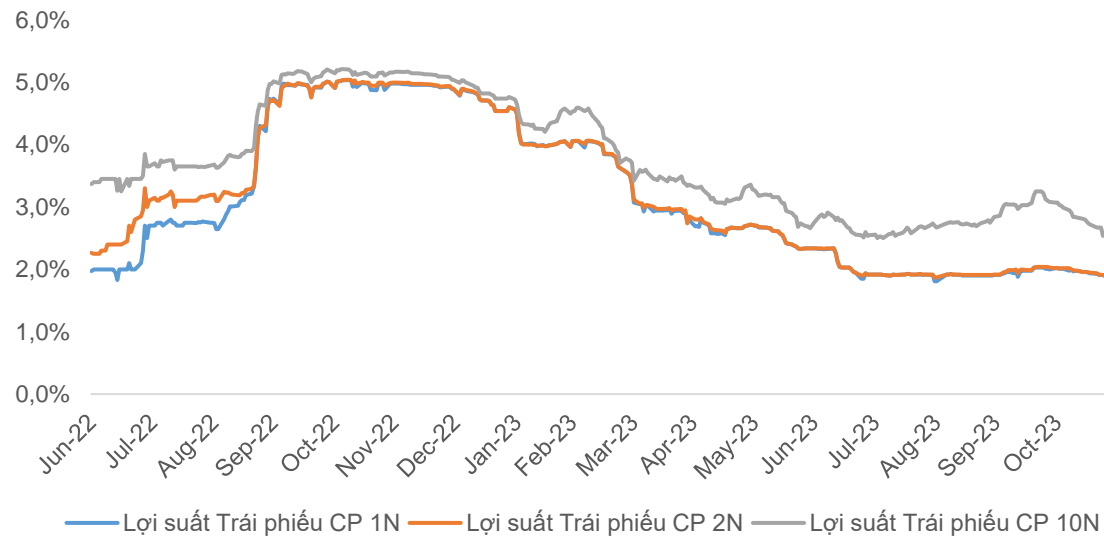
Mặt bằng lãi suất liên NH đã hạ nhiệt trong tháng 11 sau khi áp lực từ tỷ giá giảm cho thấy thanh khoản hệ thống ngân hàng vẫn dồi dào. Chúng tôi nhận thấy lãi suất tiền gửi hiện tại đã thấp tương đương giai đoạn COVID. Theo đó, chúng tôi kỳ vọng lãi suất thấp này sẽ kéo dài sang 2024 khi áp lực nâng lãi suất từ Fed hạ nhiệt.

Lãi suất BQ Liên ngân hàng



Lợi suất Trái phiếu Chính phủ cũng quay đầu giảm ở các kỳ hạn: kỳ hạn 1N giảm 13bps MoM, kỳ hạn 2N giảm 13bps MoM, kỳ hạn 10N giảm 49bps MoM. Điều này cho thấy các rủi ro vĩ mô hạ nhiệt trở lại trong tháng 11. Chúng tôi lưu ý, trong tháng 11 chỉ có giá vàng tăng mạnh còn lại các yếu tố lãi suất, lợi suất trái phiếu Chính phủ đều giảm. Mặc dù nền kinh tế còn nhiều khó khăn, tốc độ hồi phục là khá chậm nhưng vẫn trong xu hướng đi lên.

Lợi suất trái phiếu Chính phủ

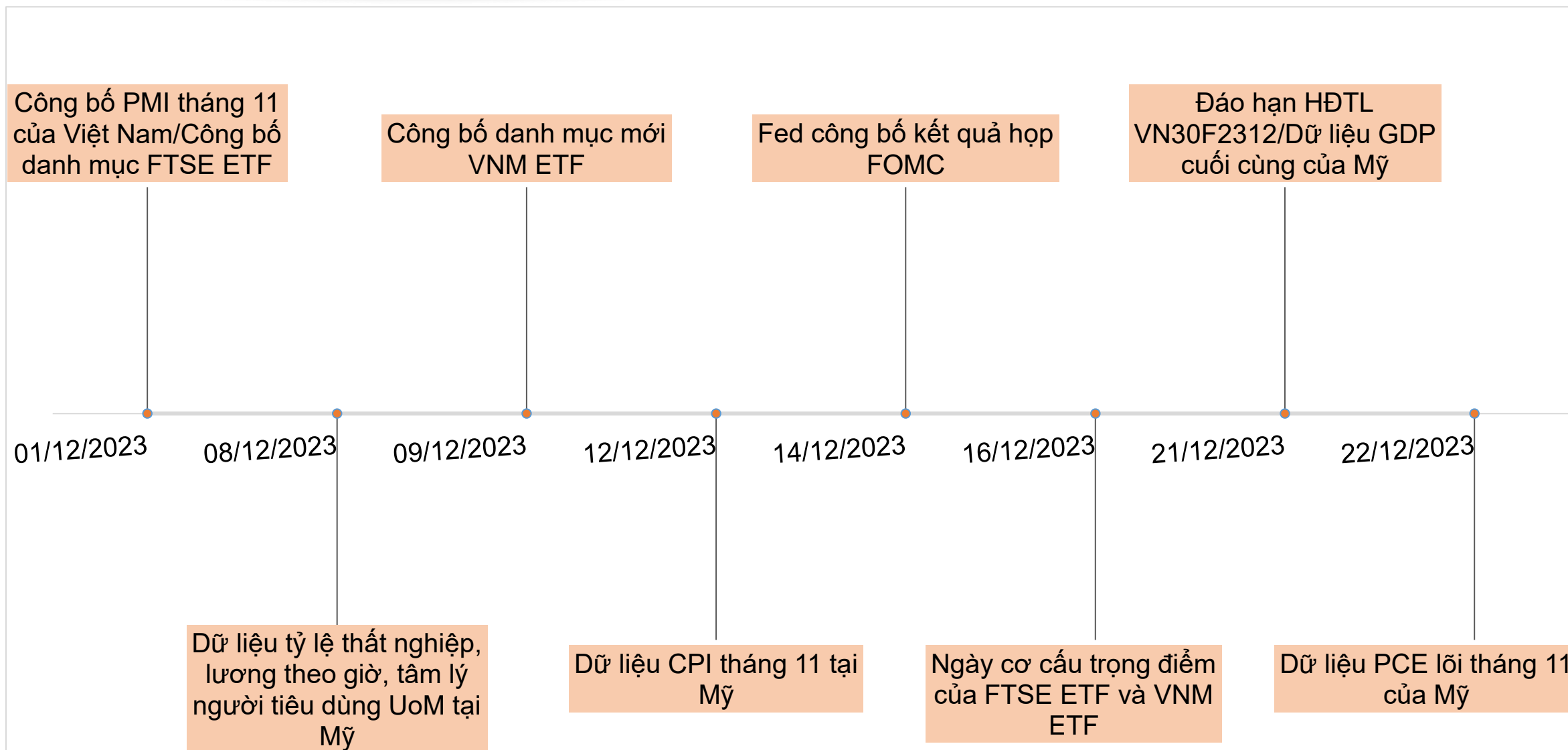


Nguồn: FiinGroup, Yuanta Việt Nam

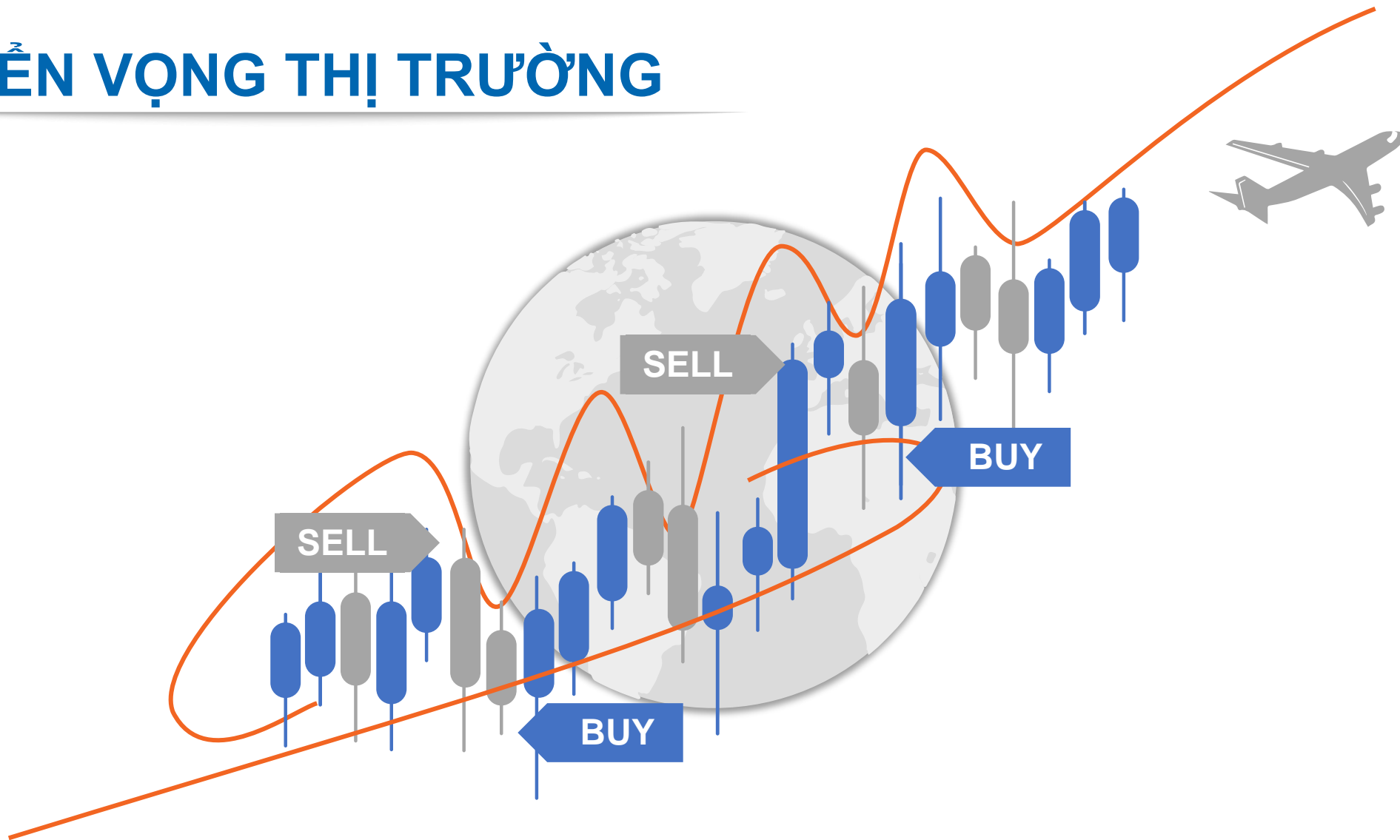
Kết luận và dự báo tình hình vĩ mô Việt Nam

- Nhìn chung, tình hình kinh tế tháng 11 vẫn trên đà hồi phục chậm trong bối cảnh kinh tế toàn cầu khó khăn. Điểm nhấn tích cực nhất đến từ dòng vốn FDI duy trì đà tăng tốt, trong khi sự hồi phục trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và hoạt động xuất nhập khẩu vẫn chậm. Nhu cầu tiêu dùng, hàng hóa trong nước cũng như các nước đối tác chính hồi phục chậm khi vẫn còn tâm lý thận trọng và tiết kiệm trong chi tiêu do lo ngại kinh tế khó khăn.
- Dù sự hồi phục kinh tế còn chậm nhưng bối cảnh vĩ mô đã ổn định hơn trong tháng 11 khi tỷ giá hạ nhiệt, lãi suất ổn định, lạm phát tăng nhẹ trong tầm kiểm soát. Đối với giá vàng trong nước tăng cao, chúng tôi cho rằng đà tăng sẽ sớm chững lại khi qua giai đoạn lễ tết, cưới hỏi cuối năm và giá vàng thế giới đang ở vùng đỉnh.
- Tăng trưởng tín dụng tính tới cuối tháng 11 mới đạt 8.3%, thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu định hướng đầu năm. Thủ tướng Chính phủ, NHNN có những chỉ đạo điều hành tăng trưởng tín dụng những tháng cuối năm. Tăng trưởng tín dụng tháng 12 có thể tích cực hơn so với những tháng trước, tuy nhiên chúng tôi cho rằng nhu cầu vốn của các doanh nghiệp sản xuất vẫn thấp trong bối cảnh kinh tế hồi phục chậm. Tín dụng có thể gia tăng ở kênh bất động sản khi nhu cầu vốn các doanh nghiệp BDS vẫn cao, chính sách tín dụng cởi mở hơn đối với BDS cũng như nhu cầu giao dịch tăng trong bối cảnh lãi suất thấp và thị trường BDS có tín hiệu ấm hơn trước.

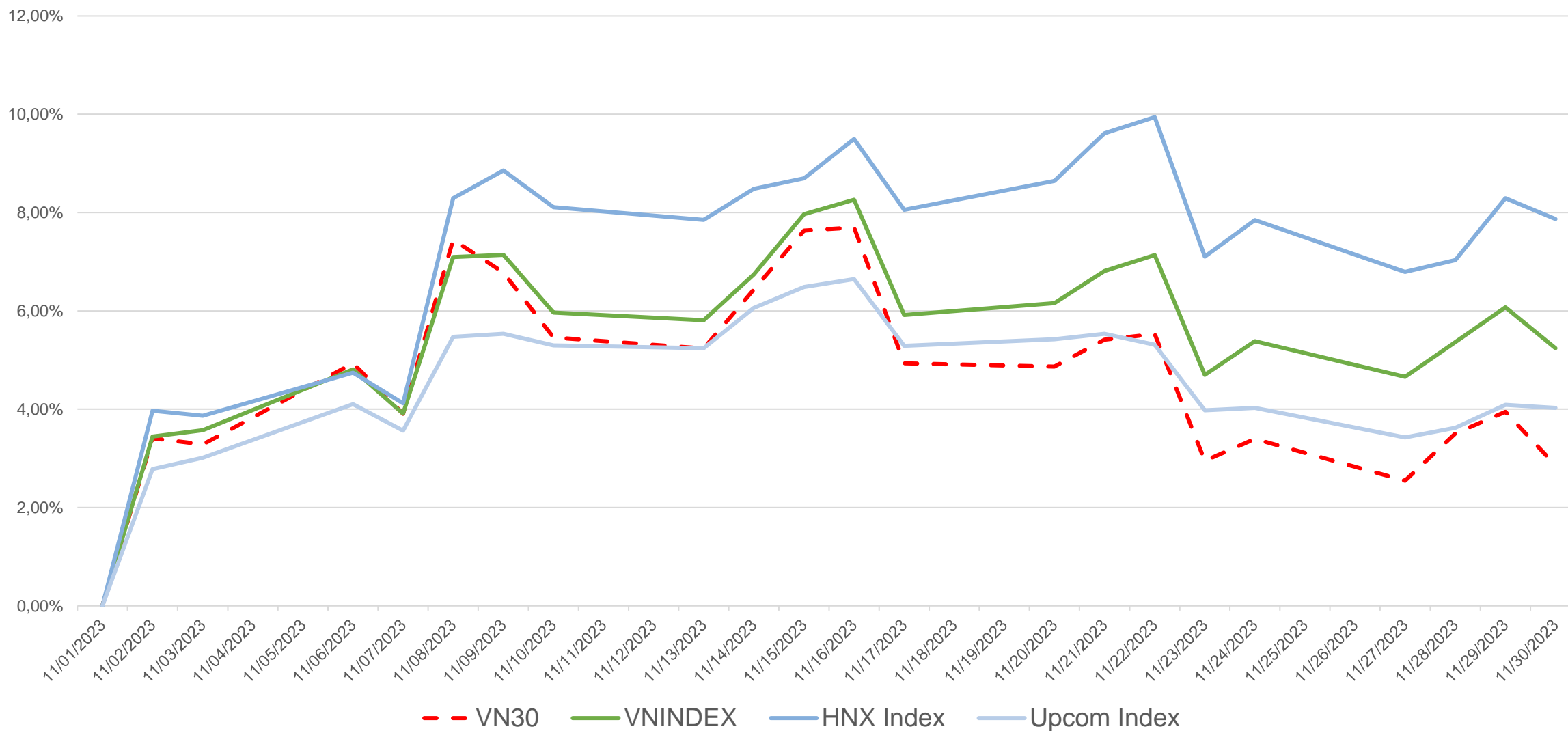
Lịch sự kiện tháng 12/2023



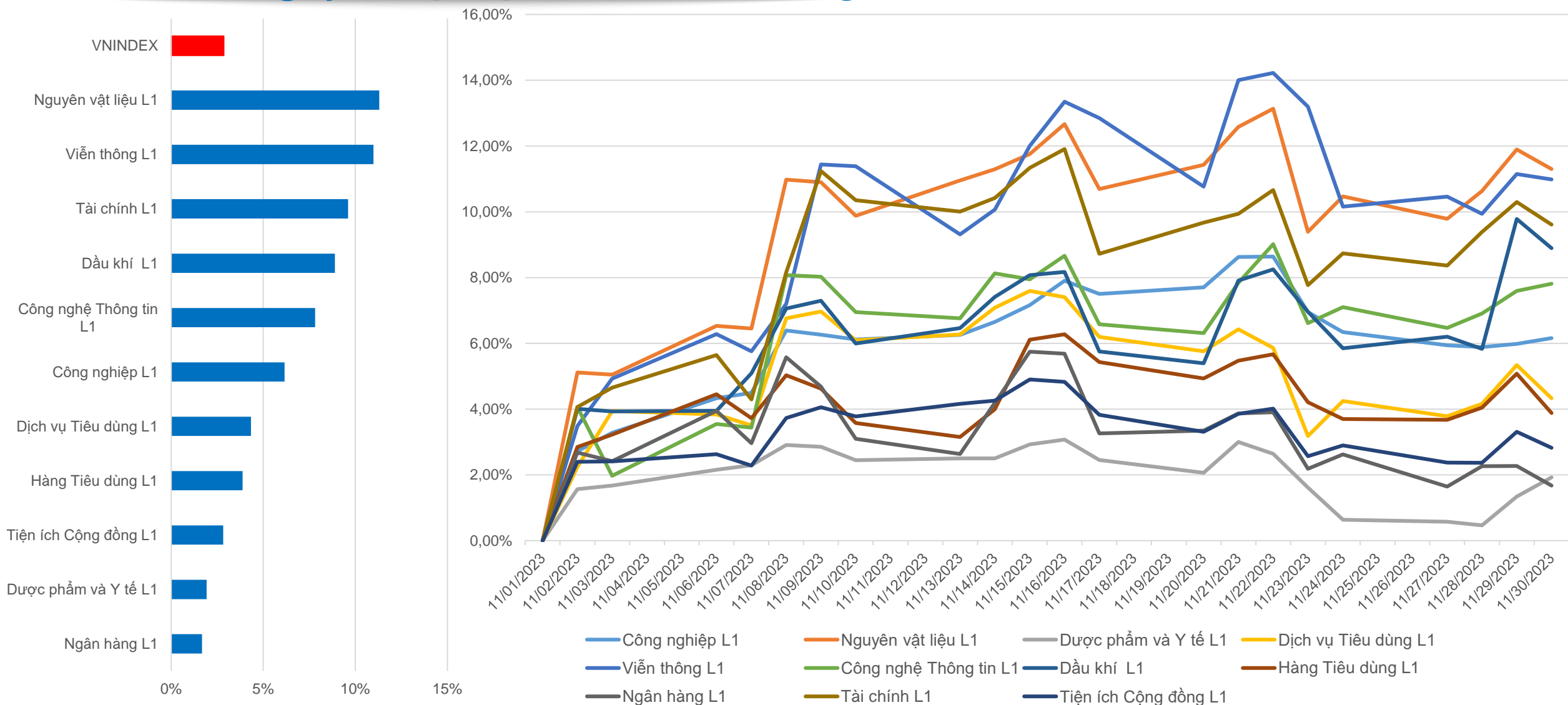
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG



1. Chỉ số HNX-Index quay trở lại dẫn đầu đà tăng trong tháng 11

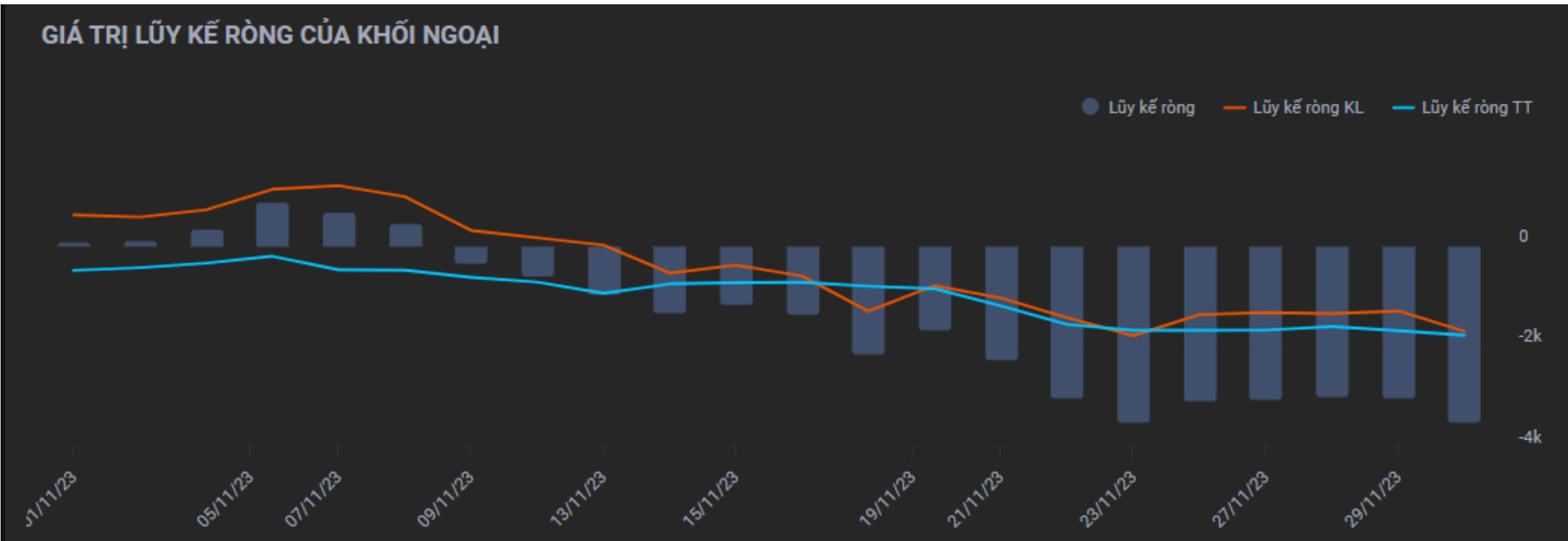


1. Nhóm nguyên vật liệu dẫn đầu đà tăng

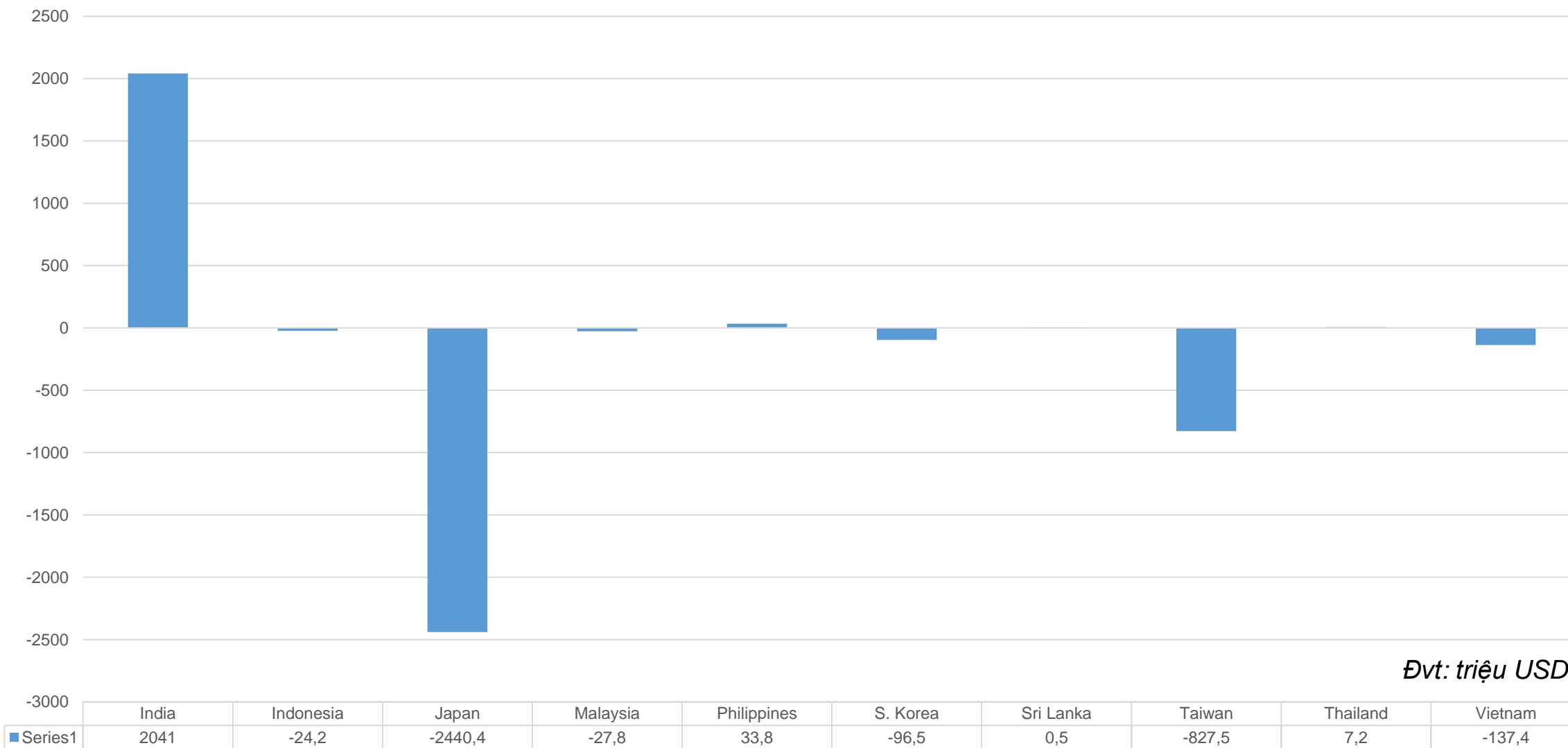


2. Khối ngoại quay lại bán ròng mạnh trong tháng 11

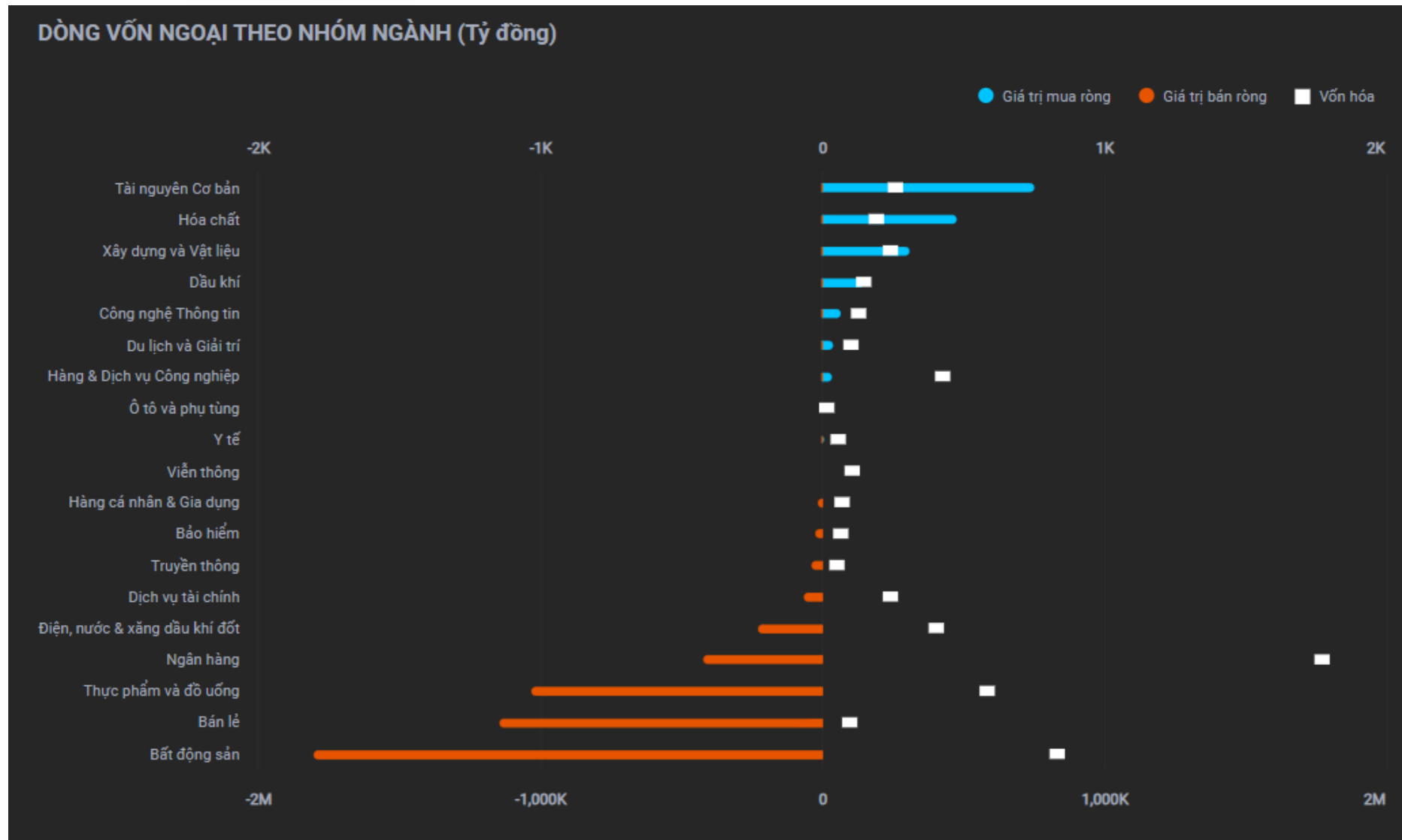
GIÁ TRỊ LŨY KẾ RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI



2. Phần lớn dòng vốn rút ròng châu Á trừ Ấn Độ

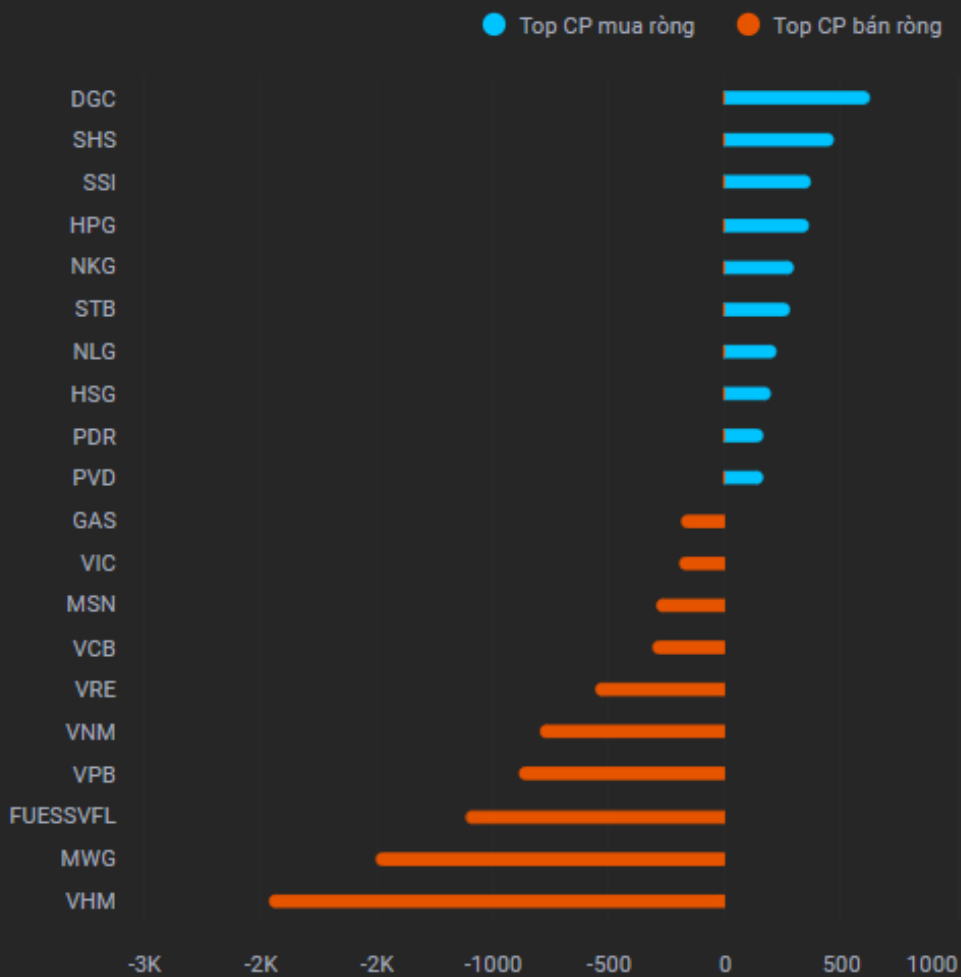


2. Khối ngoại tập trung mua ròng vào nhóm VLXD và Hóa chất



2. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh ETF nội

TOP CỔ PHIẾU MUA VÀ BÁN RÒNG



TỶ LỆ SỞ HỮU KHỐI NGOẠI SO VỚI THỊ TRƯỜNG

TOÀN THỊ TRƯỜNG

TỶ LỆ SỞ HỮU

18%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

127,467,509

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

23,534,547

HSX

TỶ LỆ SỞ HỮU

23%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

97,816,463

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

22,008,020

HNX

TỶ LỆ SỞ HỮU

8%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

6,637,081

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

504,466

UPC

TỶ LỆ SỞ HỮU

4%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

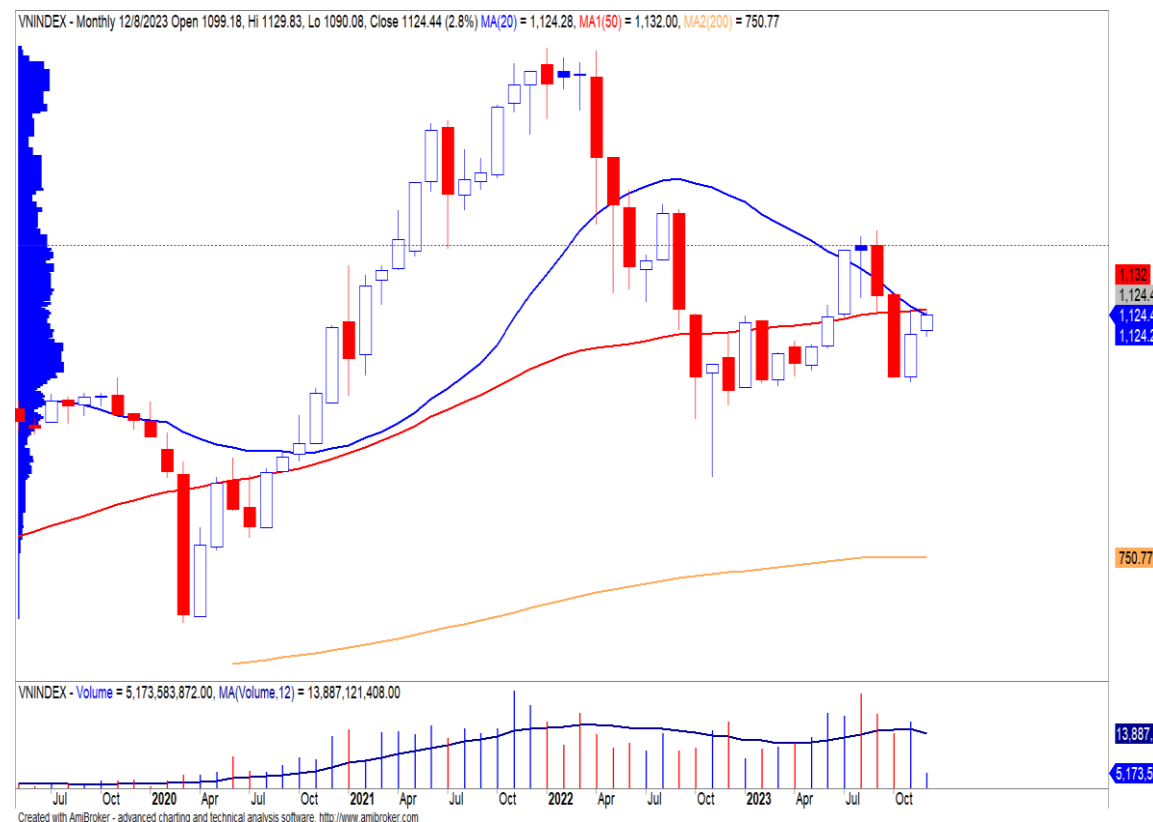
23,013,965

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

1,022,061

3. Thị trường có thể ít biến động trong tháng 12/2023

- Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1,094.3 điểm (+6.4% so với tháng trước) với khối lượng giao dịch tăng 20% so với tháng 10/2023. Đồng thời, thị trường có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy trung hạn cho nên thị trường có thể ít biến động trong tháng 12/2023. Ngoài ra, dòng tiền có thể sẽ có sự phân hóa trong tháng 12 cho nên các nhà đầu tư nên chú ý vào việc lựa chọn các nhóm cổ phiếu, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư nên chú ý vào nhóm cổ phiếu vốn hóa vừa và có mức tăng trưởng cao.
- Xu hướng dài hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức TĂNG, nhưng xu hướng tăng vẫn chưa rõ ràng cho nên các nhà đầu tư dài hạn có thể tiếp tục duy trì vị thế MUA và NẮM GIỮ với tỷ trọng cổ phiếu ở mức 35 – 40% danh mục.
- Nhóm cổ phiếu chú ý tháng 12/2023:
 - Hóa chất: **DGC, DCM, LAS, CSV, PHR.**
 - Phần mềm và dịch vụ máy tính: **FPT, CMG.**
 - Ngân hàng: **HDB, MBB, ACB, BID, STB.**
 - Sản xuất dầu khí: **BSR.**
 - Thép: **HSG, HPG.**
 - Bán lẻ: **FRT, DGW.**
 - Dịch vụ dầu khí: **PVS, PVD.**
 - Quan sát nhóm cổ phiếu: **Vận tải, sản xuất thực phẩm, nước và khí đốt.**

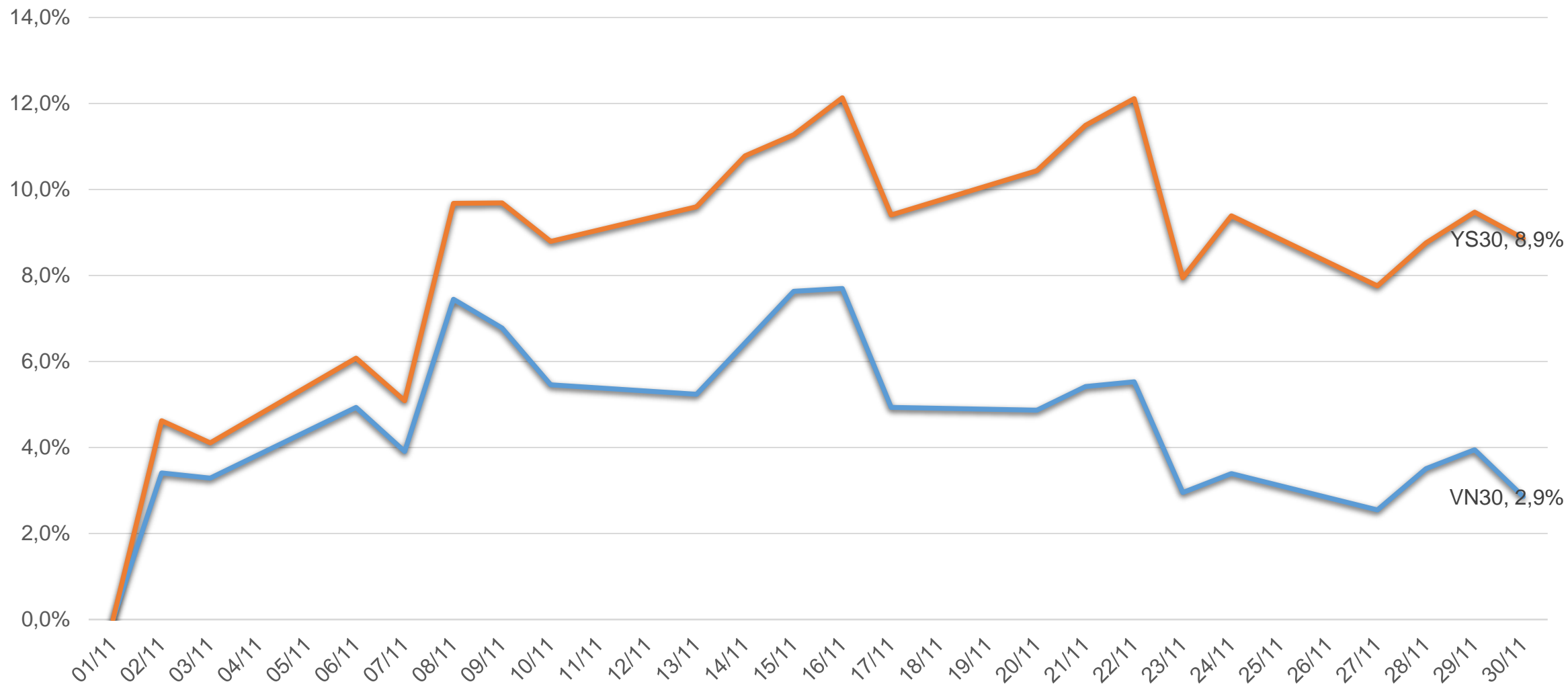


Đồ thị tháng của chỉ số VN-Index. Nguồn: YSVN

4. Hiệu quả khuyến nghị đầu tư hàng ngày trong tháng 11/2023

Chỉ tiêu		2019	2020	2021	2022	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	T11/2023	11T2023
Số KN mua		222	128	210	127	27	23	41	15	119
Số KN Bán		212	123	218	135	25	17	50	2	109
Số KN chốt lời	Số lần	88	57	113	47	7	4	25	-	38
	Lãi TB	9,1%	15,5%	24,7%	13,5%	11,1%	13,7%	8,2%		9,8%
Số KN cắt lỗ	Số lần	124	66	105	88	18	13	25	2	71
	Lỗ TB	-3,4%	-5,1%	-5,8%	-8,0%	-5,3%	-3,2%	-4,9%	-2,9%	-5,3%
Thời gian nắm giữ TB		21	20	24	17	21	33	23	11	22
% Tỷ suất LN Trung bình		8,9%	4,4%	10,0%	-0,5%	-0,7%	0,8%	1,6%	-2,9%	0,0%
% Tăng trưởng Vnindex		7,8%	14,9%	35,7%	-32,6%	5,5%	5,2%	3,0%	6,4%	8,4%
% Tăng trưởng VN30		2,7%	21,8%	43,4%	-34,3%	6,6%	4,5%	3,8%	4,1%	7,3%
% Tăng trưởng Vaneck		8,4%	9,4%	21,4%	-39,8%	2,9%	9,3%	1,8%	10,7%	10,6%
% Tăng trưởng DB FTSE		4,2%	16,4%	30,4%	-43,0%	3,9%	7,6%	-2,9%	10,3%	2,5%
% Tăng trưởng E1VFN30		3,1%	22,0%	43,5%	-31,1%	6,2%	5,2%	4,1%	3,0%	8,8%
% Lợi nhuận cao nhất	Tỷ suất lợi nhuận	102,9%	79,2%	140,3%	53,1%	37,4%	29,4%	28,4%	-1,5%	37,4%
	Tên Cổ phiếu	CTR	DBC	AGR	FRT	STB	BID	PVS	VCB	STB
% Lợi nhuận thấp nhất	Tỷ suất lợi nhuận	-8,6%	-20,5%	-14,5%	-16,8%	-10,6%	-5,1%	-11,6%	-4,2%	-13,6%
	Tên Cổ phiếu	MPC	CTR	NKG	TNH	VIP	TCM	TVD	STB	PDR

4. Hiệu quả đầu tư của danh mục YS30 trong tháng 11/2023



4. Hiệu quả đầu tư của danh mục YS30 từ đầu năm 2021



Liên hệ

Phòng Nghiên cứu và Phân tích khối Khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Global Disclaimer

© 2020 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written consent of Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited.